

ĐẠI HỌC TƯƠNG LAI VÀ SỨ MỆNH MỞ RỘNG CƠ HỘI HỌC TẬP CHO MỌI NGƯỜI: GỢI Ý TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Lê Văn Thanh¹

Email: thanhlv@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0007-5516-380X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1479

Tóm tắt: Bài viết bàn về “Đại học tương lai” (University of the Future - UoF) như một mô hình giáo dục đại học mở, linh hoạt, hòa nhập và lấy người học làm trung tâm, gắn với sứ mệnh mở rộng cơ hội học tập cho mọi người tại Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU). Trên cơ sở lý thuyết kinh điển về đào tạo từ xa, các báo cáo chính sách quốc tế và đề tài nghiên cứu chung của mạng lưới năm trường đại học mở Đông Nam Á (OU5), bài viết khái quát bảy trụ cột của UoF. Dữ liệu từ Báo cáo Ba công khai năm học 2025-2026 cho thấy HOU đang vận hành cơ bản theo logic UoF: đào tạo từ xa chiếm 57,8% tổng quy mô, phần lớn chỉ số chất lượng vượt Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, 93,15% sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Bài viết đề xuất bốn nhóm khuyến nghị về khung pháp lý, hạ tầng số và học liệu mở, năng lực giảng viên và hợp tác khu vực.

Từ khóa: đại học tương lai, đào tạo từ xa, giáo dục mở, học tập suốt đời, xã hội học tập

I. Đặt vấn đề

Đại dịch COVID-19 tạo ra chuyển động lớn của giáo dục đại học toàn cầu khi buộc hàng trăm triệu người học chuyển sang học từ xa. Bozkurt và Sharma (2020) phân biệt “đạy học từ xa khẩn cấp” với giáo dục từ xa được thiết kế bài bản, qua đó đặt ra yêu cầu các trường đại học xem xét lại phương thức đào tạo một cách có hệ thống. Các báo cáo của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO, 2022) và Hội đồng Quốc tế về Giáo dục mở và từ xa (ICDE, 2024) gợi

mở rằng tương lai của đại học nằm ở mô hình lai linh hoạt, mở và hòa nhập.

Trong bức tranh đó, khái niệm *Đại học tương lai* (UoF) ngày càng được luận bàn rộng rãi. Mạng lưới năm trường đại học mở Đông Nam Á (OU5), gồm các trường đại học mở của Malaysia (OUM), Thái Lan (STOU), Philippines (UPOU), Indonesia (UT) và Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU), đã triển khai đề tài nghiên cứu chung về UoF bằng phương pháp phỏng vấn sâu 12 lãnh đạo đại học và chuyên gia tại năm quốc gia. Nghiên cứu khẳng

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

định các tư tưởng mà Keegan (1996), Holmberg (2005), Moore và Kearsley (2012) hệ thống hóa vẫn giữ giá trị cốt lõi, đồng thời được làm mới bởi công nghệ giáo dục đương đại.

Tại Việt Nam, Trường Đại học Mở Hà Nội là một trong những cơ sở giáo dục đại học công lập đầu tiên được giao sứ mệnh đào tạo từ xa và đào tạo mở phục vụ *xã hội học tập*. Giai đoạn 2020-2023, nhiều chính sách về chuyển đổi số, xã hội học tập và đào tạo từ xa được ban hành (Bảng 1), đặt Trường trước thách thức chuyển từ trường đại học có đào tạo từ xa sang *đại học tương lai* linh hoạt, hòa nhập và bền vững.

Bài viết hướng đến ba mục tiêu: (i) làm rõ khái niệm *đại học tương lai* từ lý thuyết giáo dục từ xa, các báo cáo chính sách quốc tế và nghiên cứu chung của OU5; (ii) đối sánh khung khái niệm này với thực tiễn của Trường; (iii) đề xuất khuyến nghị nhằm thúc đẩy sứ mệnh mở rộng cơ hội học tập cho mọi người.

II. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Đào tạo từ xa và giáo dục mở: từ truyền thống đến số hóa

Theo Keegan (1996), đào tạo từ xa được nhận diện bởi sự tách biệt gần như thường xuyên giữa người dạy và người học, vai trò của tổ chức giáo dục trong thiết kế học liệu và hỗ trợ người học, việc sử dụng phương tiện kỹ thuật và giao tiếp hai chiều. Moore (1993) phát triển *Lý thuyết khoảng cách giao dịch* (transactional distance theory): khoảng cách sự phạm và tâm lý, không thuần túy là địa lý, phụ thuộc vào cấu trúc chương trình, mức độ đối thoại và tính tự chủ của người học. Holmberg (2005) nhấn mạnh *hội thoại có dẫn dắt mang tính*

giáo dục (guided didactic conversation), coi quan hệ cá nhân và sự đồng cảm giữa người dạy và người học là động lực học tập. Moore và Kearsley (2012) tiếp cận hệ thống, coi đào tạo từ xa là sự vận hành đồng bộ của nguồn tri thức, thiết kế, truyền tải, tương tác, môi trường học tập, quản lý và chính sách.

Sự phổ biến của Internet đã chuyển trọng tâm từ đào tạo từ xa sang học tập trực tuyến. Anderson (2008) chủ biên công trình tập hợp nghiên cứu của các học giả chủ yếu thuộc Trường Đại học Athabasca (Canada), đặt nền tảng cho học tập trực tuyến. Trước đó, Garrison và cộng sự (2000) đề xuất khung *Cộng đồng truy vấn học tập* (Community of Inquiry - CoI) với ba thành tố: hiện diện nhận thức, hiện diện xã hội và hiện diện giảng dạy.

2.2. Khái niệm Đại học tương lai và xu hướng chính sách quốc tế

UoF là tập hợp các đặc trưng quan sát được qua các báo cáo và chính sách hơn là một khung lý thuyết khép kín. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2019) chỉ ra năm nhóm xu hướng tác động đến giáo dục: kinh tế toàn cầu, dân chủ và quản trị toàn cầu, an ninh, già hóa dân số và văn hóa hiện đại. UNESCO (2022) cho thấy số sinh viên đại học toàn cầu tăng từ khoảng 100 triệu (2000) lên hơn 235 triệu (2020), song bất bình đẳng trong tiếp cận vẫn lớn. ICDE (2024) nhấn mạnh chất lượng giáo dục mở, linh hoạt và từ xa phải gắn với mở rộng tiếp cận cho người học khó tham gia giáo dục đại học truyền thống. OU5 (2026) tổng hợp bảy trụ cột của UoF: linh hoạt và thích ứng; hòa nhập và công bằng; học tập suốt đời; đổi mới sự phạm; tích hợp công nghệ; đối tác và năng lực toàn cầu; bền vững.

2.3. Đào tạo từ xa tại Việt Nam: chính sách và nghiên cứu

Tại Việt Nam, đào tạo từ xa bậc đại học phát triển từ thập niên 1990, gắn với sự ra đời của Viện Đại học Mở Hà Nội (nay là Trường Đại học Mở Hà Nội) và Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Lâm và cộng sự (2006) đánh giá đây là hình thức quan trọng để mở rộng tiếp cận giáo dục đại học.

Bảng 1. Khung pháp lí về đào tạo từ xa và chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2020-2023

Văn bản	Thời gian	Nội dung chính	Liên hệ với UoF
Quyết định 749/QĐ-TTg	03/6/2020	Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 100% cơ sở giáo dục triển khai dạy và học từ xa; thử nghiệm chương trình cho phép học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung.	Tích hợp công nghệ; bền vững
Quyết định 1373/QĐ-TTg	30/7/2021	Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; mục tiêu 70% trường đại học triển khai đại học số và xây dựng học liệu số đến năm 2025, 90% đến năm 2030.	Học tập suốt đời; hòa nhập
Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT	28/12/2023	Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học; hiệu lực 12/02/2024; thay thế Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT.	Linh hoạt; quản trị chất lượng
Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT	29/12/2023	Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học; hiệu lực 13/02/2024; thay thế Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT.	Tích hợp công nghệ; đổi mới tư phạm

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Thủ tướng Chính phủ (2020, 2021) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023a, 2023b)

III. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết là nghiên cứu lí luận, chính sách kết hợp nghiên cứu trường hợp. Nguồn tư liệu gồm: (i) các công trình nền tảng về giáo dục từ xa và các báo cáo của UNESCO, OECD, ICDE; (ii) văn bản pháp quy và nghiên cứu về đào tạo từ xa ở Việt Nam; (iii) Báo cáo Ba công khai năm học 2025-2026 và kết quả khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025a, 2025b, 2025c, 2025d).

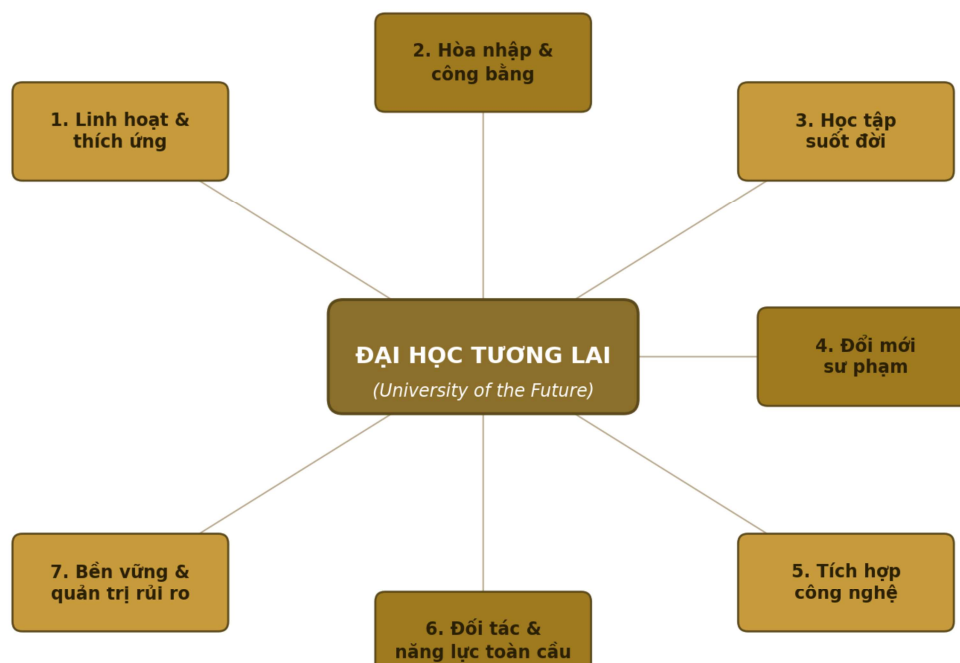
Giai đoạn 2019-2024, hành lang pháp lí về đào tạo từ xa được kiện toàn (Bảng 1): văn bằng giáo dục đại học không ghi hình thức đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019); Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học và quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến được ban hành mới (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023a, 2023b).

Phương pháp phân tích là so sánh đối chiếu: bảy trụ cột của UoF (OU5, 2026) được dùng làm tiêu chí; thực tiễn của Trường được phân tích qua dữ liệu công bố chính thức và đánh giá mức độ tương thích với các trụ cột, từ đó rút ra khuyến nghị.

IV. Kết quả nghiên cứu, thảo luận và kiến nghị

4.1. Bảy trụ cột của Đại học tương lai

Tổng hợp từ đề tài nghiên cứu của OU5 (2026) và các nguồn quốc tế, bảy trụ cột của UoF được khái quát trong Hình 1.



Hình 1. Bảy trụ cột của Đại học tương lai (tổng hợp từ OU5, 2026)

Linh hoạt và thích ứng: Đặc trưng định danh của UoF, thể hiện ở bốn cấp độ: thể chế (giáo dục hòa nhập, có khả năng mở rộng), sư phạm (trực tuyến, kết hợp, khóa học trực tuyến mở đại chúng - MOOC, công nhận tín chỉ liên thông), công nghệ (truyền thống và mới nổi) và tổ chức (đáp ứng nhanh trước biến động xã hội), tương đồng với quan điểm của Moore (1993) về điều chỉnh cấu trúc và đối thoại theo mức độ tự chủ của người học.

Hòa nhập và công bằng: Đặc tính trung tâm của đại học mở, được UoF mở rộng theo bốn hướng: tiếp cận cho người học không truyền thống; công bằng nhận thức và đa văn hóa; đáp ứng biến đổi nhân khẩu; hòa nhập trong sư phạm, như sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để giảm bất bình đẳng (OU5, 2026). Trụ cột này gắn với mục tiêu 4.3 của Mục tiêu Phát triển Bền vững số 4 (SDG 4) về tiếp cận bình đẳng giáo dục đại học (UNESCO, 2022).

Học tập suốt đời và phát triển kỹ năng: Sứ mệnh trung tâm của UoF trong bối cảnh tự động hóa và già hóa dân số: cung cấp lộ trình linh hoạt cho học tập chính thức, không chính thức và phi chính thức, phát triển chương trình kỹ năng và bồi dưỡng nghề nghiệp, phù hợp với nhận định của OECD (2019) về nhu cầu học tập suốt đời.

Đổi mới sư phạm và lấy người học làm trung tâm: Nguyên tắc công nghệ là phương tiện, không phải trung tâm (OU5, 2026). AI, phân tích học tập, thực tế ảo hỗ trợ giảng dạy nhưng phải hướng đến hòa nhập và tương tác con người; khung CoI (Garrison và cộng sự, 2000) gợi ý thiết kế đồng thời ba hiện diện: giảng dạy, nhận thức và xã hội.

Tích hợp công nghệ có nguyên tắc: Dựa trên ba nguyên tắc: sư phạm tiên tiến, nhạy cảm bối cảnh (kể cả phương án phi công nghệ ở nơi còn khoảng cách số) và mở (học liệu mở, thiết kế phổ quát). Các

công nghệ trọng yếu gồm hệ thống quản lý học tập (LMS), AI, phân tích học tập và thực tế mở rộng (XR); an ninh mạng và bảo mật dữ liệu là thành tố không thể thiếu.

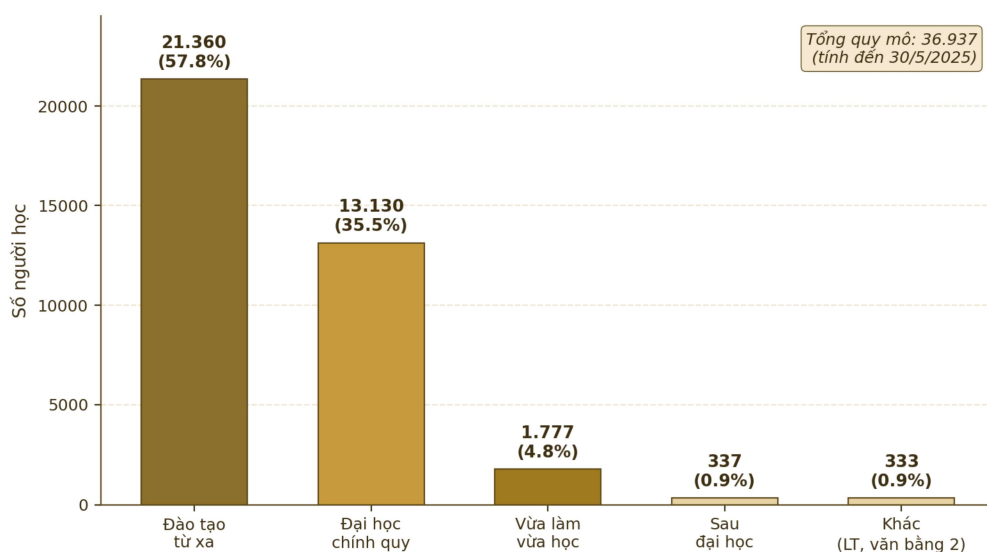
Đối tác doanh nghiệp và năng lực toàn cầu: UoF coi đối tác là một đặc tính (ethos). Hợp tác liên ngành, liên khu vực và với doanh nghiệp giúp mở rộng cơ hội học tập và cùng xây dựng chương trình. Việc tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp của doanh nghiệp vào chương trình đào tạo mở và từ xa giúp người học thích ứng với thị trường lao động đang biến đổi (Che Aziz và cộng sự, 2024).

Bền vững, sẵn sàng và quản trị rủi ro: UoF cần có khả năng phục hồi trong môi trường số, có kế hoạch duy trì hoạt động khi xảy ra sự cố và quản lý các rủi ro như khoảng cách số, an ninh mạng, thiếu hụt chính sách, tâm lý ngại đổi mới, khó khăn tài chính (OU5, 2026). Bền vững còn bao gồm bền vững xã hội và cam kết phục vụ cộng đồng.

4.2. Quy mô đào tạo và mức độ mở rộng cơ hội học tập tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Trường Đại học Mở Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 (Thủ tướng Chính phủ, 1993), với sứ mệnh “mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng”. Tính đến ngày 30/5/2025, tổng quy mô đào tạo của Trường là 36.937 người học; tuyển mới năm 2024 đạt 12.113 người (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025c).

Cơ cấu quy mô (Hình 2) thể hiện rõ đặc trưng “mở”: đào tạo từ xa có 21.360 người học, chiếm 57,8% tổng quy mô và 57,3% tuyển mới năm 2024; đại học chính quy chiếm 35,5%; vừa làm vừa học 4,8%; sau đại học và các hình thức khác 1,8%. Tỷ trọng đào tạo từ xa lớn hơn tổng các hình thức còn lại cho thấy Trường đang thực hiện chức năng mở rộng cơ hội học tập cho người học không truyền thống (OU5, 2026).



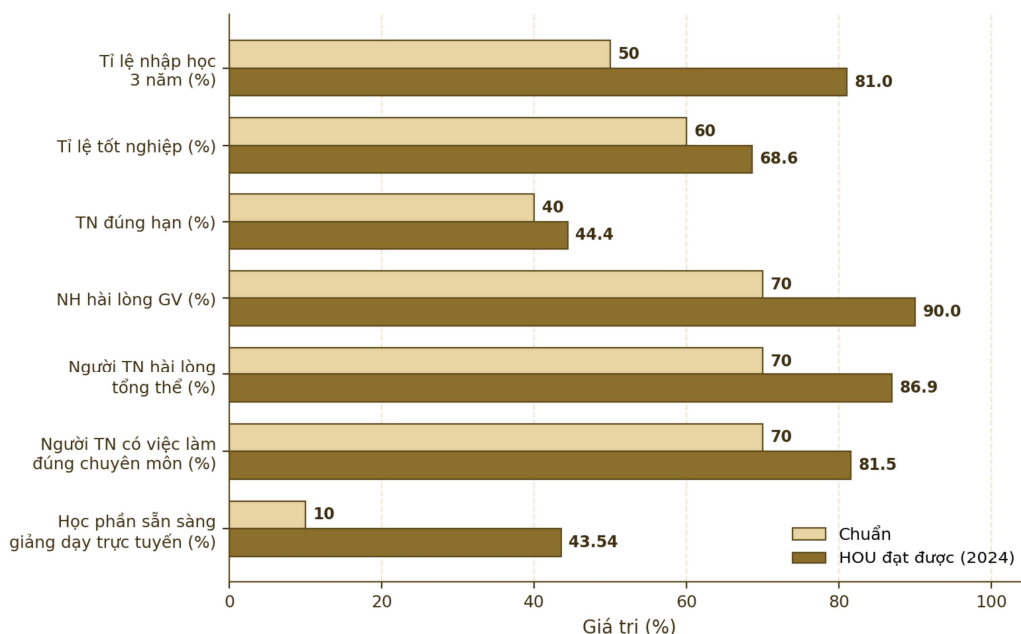
Hình 2. Quy mô đào tạo của Trường Đại học Mở Hà Nội (tính đến 30/5/2025)

Nguồn: Trường Đại học Mở Hà Nội (2025c)

4.3. Chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục

Đánh giá theo Chuẩn cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024), Trường đáp ứng hầu hết các chỉ số then chốt năm 2024 (Hình 3): tỉ lệ nhập học trung bình ba năm 81% (chuẩn 50%); tỉ lệ tốt nghiệp 68,6% (chuẩn 60%); tốt nghiệp

đúng hạn 44,4% (chuẩn 40%); người học hài lòng với giảng viên 90% (chuẩn 70%); người tốt nghiệp hài lòng tổng thể 86,9% (chuẩn 70%); người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn 81,5% (chuẩn 70%) (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025a). Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến đạt 43,54%, gấp hơn bốn lần mức chuẩn 10%.



Hình 3. Mức độ đáp ứng các chỉ số chính của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học tại HOU (năm 2024).

Năm học 2023-2024, Trường thu thập 154.446 lượt phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy (tỉ lệ phản hồi 97,5%) với 90% tích cực, cùng 2.474 lượt phản hồi về trải nghiệm tổng thể với 86,9% tích cực (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025a). Đây là cơ sở dữ liệu lớn cho các vòng cải tiến theo định hướng *lấy người học làm trung tâm*.

Các nghiên cứu thực nghiệm tại Trường bổ sung thêm minh chứng. Le và Lai (2024) khảo sát 495 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh học theo hình thức kết

hợp, cho thấy 83,2% đánh giá cao tính linh hoạt; khả năng tự điều chỉnh học tập tương quan chặt với mức độ hài lòng ($r = 0,72$; $p < 0,01$). Dinh và cộng sự (2025) khảo sát 550 sinh viên và 16 giảng viên về ứng dụng AI trong dạy học tiếng Anh: tỉ lệ sử dụng công cụ AI đạt 87,5% ở giảng viên và 74,2% ở sinh viên; bốn yếu tố thành công giải thích 93,2% biến thiên hiệu quả triển khai. Đặng (2023) phân tích dữ liệu nhật kí trên hệ thống đào tạo trực tuyến, cho thấy điểm quá trình và điểm thi tương quan thuận. Các kết quả

Nguồn: Trường Đại học Mở Hà Nội (2025a).

này minh chứng cho sự chuyển dịch sang phân tích học tập (learning analytics), phù hợp với *hiện diện giảng dạy* trong khung CoI.

4.4. Học liệu mở

Học liệu mở (Open Educational Resources - OER) là thành tố quan trọng để hiện thực hóa *nguyên tắc mở* trong UoF. Nguyen và cộng sự (2025) phân tích 52 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn

2020-2023: 57,7% có sáng kiến OER ở mức cơ bản nhưng chỉ 23,1% đạt mức tích hợp nâng cao; rào cản nổi bật là khung pháp lý chưa đầy đủ (89,4%) và tâm lý e ngại chia sẻ mở (71,6%). Trường hiện có 70.439 tài liệu in, 1.797 tài liệu số và 243 học liệu điện tử (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025b), song việc chuyển hóa thành OER theo thông lệ quốc tế vẫn cần được tính toán kỹ lưỡng.

Bảng 2. Đối chiếu thực tiễn Trường với bảy trụ cột Đại học tương lai (số liệu năm học 2024-2025)

Trụ cột UoF	Mức đáp ứng tại HOU (2024-2025)	Khoảng trống còn lại
Linh hoạt và thích ứng	22 ngành đại học chính quy, 11 ngành đào tạo từ xa; xét tuyển không thi với hình thức từ xa.	Thiếu cơ chế công nhận chéo tín chỉ.
Hòa nhập và công bằng	Đào tạo từ xa chiếm 57,8% quy mô; văn bằng không phân biệt hình thức (Thông tư 27/2019).	Hỗ trợ cho người khuyết tật, vùng sâu vùng xa chưa được hệ thống hóa.
Học tập suốt đời	Viện Đào tạo và Phát triển học tập suốt đời; tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên 90% (chuẩn 70%).	Chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp ngắn hạn còn ít, gắn kết doanh nghiệp hạn chế.
Đổi mới sư phạm	Trên 154.000 lượt khảo sát chất lượng giảng viên/năm; phân tích nhật kí học tập.	Tỉ lệ giảng viên trình độ tiến sĩ 31,33% (chuẩn 40%); cá nhân hóa lộ trình chưa phổ quát.
Tích hợp công nghệ	43,54% học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến; tốc độ Internet 236,8 Mbps/1.000 người học.	Khung đảm bảo chất lượng nội dung AI; bảo mật dữ liệu người học chưa rõ.
Đổi tác và năng lực toàn cầu	13,1% sinh viên tốt nghiệp làm việc tại đơn vị có yếu tố nước ngoài (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025d); thành viên OU5 và Hiệp hội các trường đại học mở châu Á (Asian Association of Open Universities - AAOU).	Trao đổi sinh viên trực tuyến và đồng kiến tạo chương trình với doanh nghiệp còn hạn chế.
Bền vững và quản trị rủi ro	Chỉ số tăng trưởng bền vững 15,94%; biên độ hoạt động trung bình 3 năm 25,35%.	Số công bố WoS/Scopus 0,1/giảng viên (chuẩn 0,3); đăng kí rủi ro số chưa công bố.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ OU5 (2026) và Trường Đại học Mở Hà Nội (2025a, 2025b, 2025c, 2025d)

4.5. Khuyến nghị thúc đẩy sứ mệnh mở rộng cơ hội học tập

Đối chiếu khung UoF (OU5, 2026) với thực tiễn của Trường (Bảng 2), bài viết đề xuất bốn nhóm khuyến nghị.

Thứ nhất là hoàn thiện khung pháp lý cho đào tạo từ xa và giáo dục mở. Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT và Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT đã tạo

cơ sở pháp lý, song còn khoảng trống về công nhận học liệu mở giữa các cơ sở và tiêu chí chất lượng đặc thù cho đào tạo trực tuyến; 89,4% cơ sở chịu ảnh hưởng từ việc thiếu khung pháp lý cho OER (Nguyen và cộng sự, 2025). Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành hướng dẫn về OER và cập nhật quy chế đào tạo từ xa theo các xu hướng được OECD (2019) và ICDE (2024) chỉ ra.

Thứ hai là đầu tư hạ tầng số và phát triển học liệu mở. Khoảng cách số vẫn là thách thức: 31,9% sinh viên trong nghiên cứu của Le và Lai (2024) gặp sự cố kỹ thuật khi học kết hợp. Cần đầu tư đường truyền dự phòng cho các trạm đào tạo xa trung tâm; xây dựng kho học liệu mở cấp trường, tiến tới liên thông quốc gia; tích hợp công cụ phân tích học tập vào LMS để sớm phát hiện sinh viên có nguy cơ bỏ học (Đặng, 2023). Theo nguyên tắc *nhạy cảm bối cảnh* (OU5, 2026), cần có phương án công nghệ thấp cho người học vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba là phát triển năng lực giảng viên trong môi trường số. AI đặt giảng viên trước yêu cầu kép: sử dụng AI như công cụ hỗ trợ và định hình lại vai trò sư phạm. Trong nghiên cứu của Dinh và cộng sự (2025), 90% giảng viên được phỏng vấn cần được đào tạo về tích hợp AI một cách sư phạm. Nhà trường cần chương trình bồi dưỡng kết hợp kỹ năng số, thiết kế khóa học theo khung CoI (Garrison và cộng sự, 2000) và đạo đức AI, cùng hệ thống đánh giá giảng dạy phù hợp với môi trường số.

Thứ tư là đẩy mạnh hợp tác khu vực và đồng kiến tạo với doanh nghiệp. Tư cách thành viên của Trường trong OU5 và AAOU là tài sản chiến lược. Nhà trường có thể chủ động đề xuất nghiên cứu chung về AI trong dạy ngôn ngữ và OER liên thông khu vực, thúc đẩy trao đổi sinh viên trực tuyến và đồng kiến tạo chương trình với doanh nghiệp.

V. Kết luận

Đại học tương lai không phải là một ý niệm trừu tượng mà là quỹ đạo tổng hợp các giá trị linh hoạt, hòa nhập, học tập suốt đời, đổi mới sư phạm, tích hợp công nghệ có nguyên tắc, đối tác và bền vững mà các

đại học mở Đông Nam Á đang theo đuổi (OU5, 2026), phù hợp với sứ mệnh các trường đại học mở Việt Nam được giao phó từ ba thập niên trước.

Số liệu chính thức cho thấy Trường đang vận hành cơ bản theo logic UoF: đào tạo từ xa chiếm 57,8% tổng quy mô; các chỉ số chất lượng vượt chuẩn ở 7/9 tiêu chí chính; 93,15% người tốt nghiệp có việc làm (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2025d). Khoảng trống chính nằm ở tỉ lệ giảng viên tiến sĩ (31,33% so với chuẩn 40%), công bố quốc tế (0,1 bài WoS/Scopus/giảng viên so với chuẩn 0,3), khung pháp lý cho OER và hỗ trợ nhóm yếu thế. Sứ mệnh *mở cơ hội học tập cho mọi người* chỉ bền vững khi có sự tham gia đồng bộ của Nhà nước, nhà trường, giảng viên và cộng đồng; UoF vì thế là quá trình liên tục tự đổi mới theo tinh thần *tư duy tương lai* (futures thinking) mà OECD (2019) đề xuất.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, T. (Ed.). (2008). *The theory and practice of online learning* (2nd ed.). AU Press, Athabasca University. https://www.aupress.ca/app/uploads/120146_99Z_Anderson_2008-Theory_and_Practice_of_Online_Learning.pdf
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023a). *Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023b). *Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học*.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học*.
- Bozkurt, A., & Sharma, R. C. (2020). Emergency remote teaching in a time of global crisis due to CoronaVirus pandemic. *Asian Journal of Distance Education*, 15(1), i-vi. <https://doi.org/10.5281/zenodo.3778083>
- Che Aziz, R., Md Ninggal, M. T., & Awang, A. I. (2024). Transforming education: Integrating industry credentials into flexible open and distance learning programmes. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 16(2), 66-75. <https://doi.org/10.64233/WSJK6054>
- Dinh, T. L., Le, T. M. T., & Nugraha, B. (2025). Digital transformation in English language teaching: An institutional case study of AI adoption. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 16-33. <https://doi.org/10.64233/LXMF4848>
- Đặng, H. Đ (2023). Xác định mối tương quan giữa hoạt động học tập và kết quả học tập học phần Tiếng Anh cơ bản dựa trên phân tích dữ liệu nhật ký trên hệ thống đào tạo trực tuyến tại Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (109), 12-23. <https://doi.org/10.59266/houjs.2023.322>
- Garrison, D. R., Anderson, T., & Archer, W. (2000). Critical inquiry in a text-based environment: Computer conferencing in higher education. *The Internet and Higher Education*, 2(2-3), 87-105. [https://doi.org/10.1016/S1096-7516\(00\)00016-6](https://doi.org/10.1016/S1096-7516(00)00016-6)
- Holmberg, B. (2005). *The evolution, principles and practices of distance education* (ASF Series, Vol. 11). BIS-Verlag der Carl von Ossietzky Universität Oldenburg. https://uol.de/fileadmin/c3l/Forschung_Entwicklung/ASF-Serie/asfvolume11_eBook.pdf
- International Council for Open and Distance Education. (2024). *Global quality perspectives on open, flexible and distance learning 2023* (S. Alhaj Ali, Ed.). <https://icde.org/wp-content/uploads/2024/01/ICDE-Quality-Network-Report-2023.pdf>
- Keegan, D. (1996). *Foundations of distance education* (3rd ed.). Routledge.
- Lâm, Q. T., Lê, V. K., và Đặng, B. L. (2006). *Giáo dục đại học Việt Nam và thế giới*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Le, T. M. T., & Lai, M. T. (2024). Benefits and challenges of blended learning implementation: Perspectives from Vietnamese EFL students. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 16(2), 55-65. <https://doi.org/10.64233/PJPP5359>
- Mạng lưới năm trường đại học mở Đông Nam Á (OU5). (2026). *The University of the Future* [Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học chung].
- Moore, M. G. (1993). Theory of transactional distance. In D. Keegan (Ed.), *Theoretical principles of distance education* (pp. 22-38). Routledge.
- Moore, M. G., & Kearsley, G. (2012). *Distance education: A systems view of online learning* (3rd ed.). Wadsworth, Cengage Learning.
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., & Mac, V. H. (2025). Promoting open educational resources for higher education in Vietnam. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2019). *Trends shaping education 2019*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/trends_edu-2019-en
- Thủ tướng Chính phủ. (1993). *Quyết định số 535-TTg ngày 03 tháng 11 năm 1993 về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội*.

- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2025a). *Biểu số 03: Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo, năm học 2025-2026* (Kèm theo Báo cáo số 2484/BC-ĐHM ngày 30/6/2025). <https://hou.edu.vn/gioi-thieu/ba-cong-khai/>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2025b). *Biểu số 02: Thông tin cơ sở vật chất, năm học 2025-2026* (Kèm theo Báo cáo số 2484/BC-ĐHM ngày 30/6/2025). <https://hou.edu.vn/gioi-thieu/ba-cong-khai/>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2025c). *Biểu số 04: Thông tin kết quả hoạt động đào tạo, năm học 2025-2026* (Kèm theo Báo cáo số 2484/BC-ĐHM ngày 30/6/2025). <https://hou.edu.vn/gioi-thieu/ba-cong-khai/>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2025d). *Tổng hợp kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2024*. <https://hou.edu.vn/gioi-thieu/ba-cong-khai/>
- United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. (2022). *Higher education global data report: Towards Sustainable Development Goals target 4.3* [Working document for the World Higher Education Conference 2022].

THE UNIVERSITY OF THE FUTURE AND THE MISSION OF EXPANDING LEARNING OPPORTUNITIES FOR ALL: INSIGHTS FROM THE PRACTICE OF HANOI OPEN UNIVERSITY

Le Van Thanh¹

Abstract: *This article discusses the “University of the Future” (UoF) as a model of open, flexible, inclusive and learner-centred higher education, linked to the mission of expanding learning opportunities for all at Hanoi Open University (HOU). Drawing on classical distance education theories, international policy reports and the joint research project of five Southeast Asian open universities (OU5), the article identifies seven pillars of the UoF. Data from HOU’s 2025-2026 public disclosure reports and 2024 graduate employment survey show that HOU largely operates along UoF lines: distance education accounts for 57.8% of total enrolment, most key quality indicators exceed national standards, and 93.15% of surveyed graduates are employed. Four groups of recommendations address the legal framework, digital infrastructure and open educational resources, faculty capacity, and regional cooperation.*

Keywords: *university of the future, distance education, open education, lifelong learning, learning society.*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam